

CÔNG TY TNHH MTV TRÙNG DƯƠNG TT 86
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV TRÙNG DƯƠNG TT 86

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3702879732

3. Ngày thành lập: 02/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 86, khu phố 2, Thị trấn Tân Thành, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
17.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)	0231
18.	Khai thác gỗ Khai thác gỗ rừng trồng	0220
19.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
20.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610

21.	Bán buôn đồ uống (trừ quầy bar, vũ trường)	4633
22.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
24.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
26.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
27.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không chăn nuôi tại trụ sở chính)	0141
28.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa (không chăn nuôi tại trụ sở chính)	0142
29.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không chăn nuôi tại trụ sở chính)	0144
30.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không chăn nuôi tại trụ sở chính)	0145
31.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
32.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
33.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
35.	Trồng cây ăn quả	0121
36.	Trồng cây lâu năm khác	0129
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
40.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
43.	Bán mô tô, xe máy	4541
44.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng)	4620
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
52.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bên thủy nội địa)	4663
53.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
54.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
55.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
57.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
58.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
59.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không chăn nuôi tại trụ sở chính)	1020
60.	Khai thác thủy sản biển (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)	0311
61.	Khai thác thủy sản nội địa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)	0312
62.	Nuôi trồng thủy sản nội địa (không chăn nuôi tại trụ sở chính)	0322
63.	Chăn nuôi gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở chính)	0146
64.	Chăn nuôi khác (không chăn nuôi tại trụ sở chính)	0149
65.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
66.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
67.	Đại lý du lịch	7911
68.	Điều hành tua du lịch (chỉ hoạt động lữ hành quốc tế sau khi có giấy phép của Tổng cục du lịch)	7912
69.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
70.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
73.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)	0810(Chính)
74.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: đầu tư và kinh doanh khách sạn Đầu tư và kinh doanh resort	6810

75.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: đầu tư, kinh doanh điện năng lượng mặt trời (chỉ được hoạt động sau khi có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép)	3512
76.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
77.	Sản xuất điện Chi tiết: đầu tư, kinh doanh điện năng lượng mặt trời (chỉ được hoạt động sau khi có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép)	3511
78.	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG _____ Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Tổng giám đốc*
 Sinh ngày: *05/12/1967* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *280929179*
 Ngày cấp: *04/10/2006* Nơi cấp: *Công an Bình Dương*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu phố 2, Thị trấn Tân Thành, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Khu phố 2, Thị trấn Tân Thành, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương